

TTĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1246/BC-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 10/12/2025

BÁO CÁO TÓM TẮT

Về việc tiếp thu, giải trình, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo

Kính gửi: Quốc hội

Căn cứ Tờ trình số 1039/TTr-CP ngày 07/11/2025 của Chính phủ về dự án, dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo và để tiếp thu, giải trình các ý kiến của Quốc hội cũng như Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã thực hiện quá trình hoàn thiện dự thảo Luật theo đúng quy trình và thời hạn quy định.

Ngày 17/11/2025, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã có Báo cáo thẩm tra số 4439/BC-UBKHCMNT15 đối với dự án Luật Trí tuệ nhân tạo. Tiếp đó, ngày 20/11/2025, Văn phòng Quốc hội có Thông báo số 4520/TB-VPQH thông báo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật. Trong quá trình thảo luận, các vị đại biểu Quốc hội đã có nhiều ý kiến đóng góp sâu sắc, được Văn phòng Quốc hội tổng hợp trong Báo cáo số 4609/BC-VPQH ngày 25/11/2025 về ý kiến thảo luận tại Tổ và Báo cáo số 4733/BC-VPQH ngày 01/12/2025 về ý kiến thảo luận tại Tổ và Hội trường.

Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến nêu trên, ngày 03/12/2025, Chính phủ đã có Báo cáo số 1145/BC-CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo. Ngày 04/12/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã tổ chức buổi họp cho ý kiến về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật theo ý kiến của đại biểu Quốc hội, sau đó Văn phòng Quốc hội đã có Thông báo số 4888/TB-VPQH ngày 09/12/2025. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ với tư cách là Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội để hoàn thiện dự án Luật. Đồng thời, ngày 07/12/2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức buổi họp rà soát về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đối với dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo và đã có Văn bản số 8087/BTP-PLDSKT ngày 08/12/2025 về kết quả rà soát.

Trên cơ sở tổng hợp đầy đủ các ý kiến của đại biểu Quốc hội, Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến của Thành viên Chính phủ và kết quả rà soát của Bộ Tư pháp, Chính phủ đã tiếp thu, giải trình, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo với các nội dung chính như sau:

I. ĐỐI VỚI Ý KIẾN THAM GIA CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

I.1. Về những vấn đề chung

1. Về sự cần thiết và quan điểm xây dựng Luật

Ý kiến đại biểu: Đại đa số (25 ý kiến) nhất trí cao về tính cấp thiết. Tuy nhiên có ý kiến băn khoăn về trùng lặp với Luật Công nghiệp công nghệ số, lo ngại “vội vàng” và đề nghị thông qua tại 02 kỳ họp. Có 13 ý kiến tán thành “luật khung” và 03 ý kiến đề nghị cân bằng quản lý - phát triển.

Tiếp thu, giải trình:

Chính phủ xin giải trình như sau:

Thứ nhất, về sự cần thiết: Việc ban hành Luật AI là yêu cầu cấp bách để thể chế hóa Nghị quyết của Bộ Chính trị. Để giải quyết lo ngại về trùng lặp, Dự thảo Luật quy định bãi bỏ toàn bộ Chương IV về trí tuệ nhân tạo của Luật Công nghiệp công nghệ số tại Điều 33, khẳng định Luật AI là văn bản pháp lý chuyên ngành duy nhất.

Thứ hai, về quan điểm “Luật khung”: Dự thảo Luật được xây dựng theo hướng luật khung, tập trung quy định nguyên tắc cốt lõi (Điều 4), hành vi bị nghiêm cấm (Điều 7) và khung quản trị rủi ro (Chương II). Quan điểm xây dựng luật là kế thừa kinh nghiệm quản lý trí tuệ của nhân loại: quản lý đầu vào thông qua dữ liệu; quản lý khuôn khổ sử dụng thông qua pháp luật, đạo đức; và quản lý hậu quả thông qua cơ chế trách nhiệm.

Thứ ba, về cân bằng quản lý và phát triển: Dự thảo Luật được thiết kế hài hòa giữa quản lý và thúc đẩy phát triển AI, bảo đảm an toàn cao đối với rủi ro trọng yếu (tiếp thu kinh nghiệm EU, Hàn Quốc) nhưng có chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ (như Nhật Bản). Cụ thể: hoạt động AI được hưởng ưu đãi cao nhất (Điều 20); cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho phép miễn, giảm nghĩa vụ tuân thủ (Điều 21); Quỹ Phát triển AI Quốc gia với cơ chế tài chính đặc thù (Điều 22); cơ chế phiếu hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp (Điều 25).

Thứ tư, về ý kiến cho rằng “vội vàng”: Công nghệ AI phát triển theo cấp số nhân với nhiều rủi ro mới (deepfake, lừa đảo, thao túng thông tin) trong khi pháp luật hiện hành chưa đủ để quản lý. Một số nội dung như danh mục AI bị cấm, trách nhiệm giải trình, chính sách ưu đãi tài chính-thuế liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ công dân và ngân sách nhà nước, chỉ có thể quy định bằng Luật theo yêu cầu của Hiến pháp.

2. Về tính thống nhất pháp luật và khả thi

Ý kiến đại biểu: Lo ngại chồng chéo với ~50 văn bản hiện hành; sandbox (Điều 21) mâu thuẫn luật khác; phạt theo % doanh thu không thống nhất Luật XLVPHC; đề nghị nội luật hóa Công ước Hà Nội.

Tiếp thu, giải trình:

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy: Tiếp thu ý kiến về tinh gọn bộ máy, dự thảo Luật đã bãi bỏ hoàn toàn quy định về Ủy ban Quốc gia về Trí tuệ nhân tạo. Chức năng quản lý nhà nước được giao thống nhất cho Chính phủ, trong đó Bộ Khoa học và Công nghệ làm đầu mối chủ trì (Điều 30).

Thứ hai, về tiêu chuẩn kỹ thuật: Việc đánh giá sự phù hợp chỉ bắt buộc đối với hệ thống AI rủi ro cao nằm trong Danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành (khoản 4 Điều 13). Quy định này tạo “van điều tiết” linh hoạt: trong trường hợp chưa ban hành được tiêu chuẩn kỹ thuật, Thủ tướng chưa đưa hệ thống đó vào danh mục bắt buộc tiền kiểm, tránh gây ách tắc.

Thứ ba, về cập nhật quy định: Để tránh Luật bị lỗi thời, dự thảo không quy định cứng các danh mục công nghệ hay mức độ rủi ro cụ thể. Khoản 4 Điều 13 giao Thủ tướng Chính phủ ban hành và cập nhật Danh mục hệ thống AI rủi ro cao, cho phép cập nhật “theo thời gian thực” mà không cần sửa Luật.

3. Về tính khả thi

Ý kiến đại biểu: Lo ngại đánh giá sự phù hợp khó khả thi do thiếu tiêu chuẩn; nguồn lực cho Ủy ban Quốc gia; cơ chế cập nhật quy định theo thời gian thực.

Tiếp thu, giải trình:

Về bộ máy: Đã bãi bỏ hoàn toàn Ủy ban Quốc gia về AI, giao Bộ Khoa học và Công nghệ làm đầu mối (Điều 30), tận dụng nguồn lực sẵn có.

Về tiêu chuẩn: Đánh giá sự phù hợp chỉ bắt buộc với hệ thống rủi ro cao trong Danh mục Thủ tướng ban hành (khoản 4 Điều 13). Nếu chưa có tiêu chuẩn, Thủ tướng chưa đưa vào danh mục bắt buộc chứng nhận, tạo “van điều tiết” linh hoạt.

Về cập nhật: Khoản 4 Điều 13 giao Thủ tướng ban hành và cập nhật Danh mục AI rủi ro cao, cho phép điều chỉnh “theo thời gian thực” không cần sửa Luật.

1.2. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

PHẦN II: TIẾP THU VỀ CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. VỀ QUY ĐỊNH CHUNG (CHƯƠNG I)

1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 02 ý kiến đề nghị rà soát để tránh trùng lặp; 04 ý kiến băn khoăn về việc loại trừ AI phục vụ quốc phòng, an ninh, lo ngại khoảng trống pháp lý khi chuyển sang mục đích dân sự; 03 ý kiến đề nghị làm rõ AI sử dụng nội bộ.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Luật AI tập trung điều chỉnh quản trị rủi ro, đạo đức và trách nhiệm giải trình, khác biệt với phạm vi công nghiệp của Luật Công nghiệp công nghệ số. Về AI quốc phòng-an ninh: dự thảo Luật giữ nguyên tắc loại

trừ (khoản 2 Điều 1) do tính bảo mật đặc thù, nhưng bổ sung khoản 3 Điều 1 quy định: trường hợp chuyển sang mục đích dân sự thì phải tuân thủ đầy đủ Luật AI. Về AI nội bộ: thuộc nhóm rủi ro thấp (Điều 8), vẫn phải tuân thủ nguyên tắc an toàn và hành vi bị cấm nhưng giảm thiểu thủ tục hành chính.

1.2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 02 ý kiến đề nghị định nghĩa rõ hơn về “Trí tuệ nhân tạo”; nhiều ý kiến đề nghị lược bỏ thuật ngữ quá học thuật như “rủi ro hệ thống”, “mô hình đa dụng”.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Khoản 1 Điều 3 đã được chỉnh lý lược bỏ cụm từ “mở rộng năng lực trí tuệ con người”. Định nghĩa mới tập trung vào bản chất kỹ thuật (sử dụng phương pháp tính toán, phân tích dữ liệu để tạo đầu ra như dự đoán, khuyến nghị), đảm bảo tính chính xác khoa học và dễ hiểu. Dự thảo Luật đã lược bỏ các định nghĩa về “mô hình trí tuệ nhân tạo đa dụng”, “giấy phép mã nguồn mở” và “rủi ro hệ thống”, chuyển sang quản lý dựa trên mức độ rủi ro thực tế của hệ thống AI khi đưa vào ứng dụng.

1.3. Về các nguyên tắc cơ bản (Điều 4)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 01 ý kiến đề nghị cấu trúc lại theo nhóm vấn đề; 03 ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc phát triển xanh, tiết kiệm năng lượng; nhiều ý kiến đề nghị nhấn mạnh văn hóa, quyền con người, trách nhiệm giải trình.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Điều 4 đã được cấu trúc lại theo 04 nhóm nguyên tắc: (1) Con người, pháp luật và lợi ích quốc gia; (2) Kiểm soát, an toàn và bảo mật; (3) Công bằng, minh bạch, đạo đức và trách nhiệm; (4) Phát triển bền vững. Khoản 4 Điều 4 đã bổ sung yêu cầu khuyến khích phát triển công nghệ AI “sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên và giảm tác động đến môi trường”. Khoản 3 Điều 4 quy định nguyên tắc “tuân thủ chuẩn mực đạo đức và giá trị văn hóa Việt Nam” và “thực hiện trách nhiệm giải trình về các quyết định và hệ quả của hệ thống”.

2. Về phân loại và quản lý hệ thống AI theo rủi ro (Chương II)

2.1. Về phân loại rủi ro (Điều 8, 9)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 06 ý kiến đề nghị chỉnh lý quy định phân loại vì ranh giới 4 mức rủi ro còn mơ hồ; 05 ý kiến đề nghị tách nhóm “rủi ro không chấp nhận được” ra khỏi thang phân loại; 11 ý kiến đề nghị bổ sung điều riêng về “Các hành vi bị nghiêm cấm”.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến đại biểu, Dự thảo Luật đã thay đổi căn bản cấu trúc quản lý rủi ro. Bỏ mô hình 4 mức rủi ro, chuyển sang phân loại 03 mức (Cao, Trung bình, Thấp) tại Điều 8. Nhóm “rủi ro không chấp nhận được” đã được tách ra thành Điều 6 (Các hành vi bị cấm) độc lập, liệt kê cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm tuyệt đối như: lợi dụng AI để vi phạm pháp luật, sử dụng yếu tố giả

mạo dâm, lừa dối; lợi dụng điểm yếu của nhóm dễ bị tổn thương (trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật); tạo nội dung giả mạo gây nguy hại an ninh quốc gia. Khoản 4 Điều 8 bổ sung các tiêu chí phân loại: mức độ tác động đến quyền con người, an toàn, an ninh; lĩnh vực sử dụng; phạm vi, quy mô ảnh hưởng.

2.2. Về quản lý rủi ro cao và trách nhiệm (Điều 12, 13, 14)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 03 ý kiến đề nghị giao Bộ Y tế chủ trì quản lý AI rủi ro cao trong y tế; 02 ý kiến đề nghị áp dụng đánh giá độc lập bắt buộc đối với AI rủi ro cao; 03 ý kiến lo ngại gánh nặng cho Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Dự thảo Luật đã phân cấp quản lý rõ ràng: Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước chung, các Bộ chuyên ngành (như Bộ Y tế) chủ trì quản lý chuyên môn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực của mình. Cơ chế quản lý AI rủi ro cao được thiết kế theo hướng “tiền kiểm tối thiểu, hậu kiểm mạnh mẽ”: doanh nghiệp tự đánh giá, chuẩn bị hồ sơ an toàn nhưng không bắt buộc nộp hồ sơ xin cấp phép (trừ trường hợp đặc biệt thuộc danh mục Thủ tướng quy định). Hồ sơ chỉ phải xuất trình khi cơ quan quản lý yêu cầu kiểm tra. Trường hợp doanh nghiệp không đủ năng lực thì có thể đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến (không phải “xác nhận”). Điều 12 quy định các hệ thống rủi ro cao có khả năng gây hại đáng kể (theo danh mục Thủ tướng) phải thực hiện chứng nhận sự phù hợp bởi tổ chức độc lập.

2.3. Về minh bạch và kiểm soát deepfake (Điều 10, 11)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 04 ý kiến đề nghị quy định bắt buộc gắn nhãn đối với deepfake và có chế tài mạnh; nhiều ý kiến đề nghị làm rõ hoặc bỏ quy định về “mô hình AI đa dụng” do khó khả thi.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Điều 10 quy định rõ trách nhiệm minh bạch. Khoản 2 Điều 10 quy định Nhà cung cấp phải bảo đảm nội dung âm thanh, hình ảnh, video do AI tạo ra được đánh dấu ở dạng máy đọc. Khoản 4 Điều 10 yêu cầu bắt buộc gắn nhãn để nhận biết đối với nội dung mô phỏng hình ảnh, giọng nói người thật (deepfake). Về trách nhiệm giải trình: Dự thảo Luật quy định yêu cầu minh bạch về nguyên tắc, mục tiêu, tiêu chí hoạt động, không yêu cầu công khai toàn bộ mã nguồn hay bí quyết công nghệ cốt lõi. Các hành vi tạo ra hoặc phổ biến nội dung giả mạo gây nguy hại nghiêm trọng đã được đưa vào Điều 6 (Các hành vi bị cấm), việc xử lý vi phạm được thực hiện theo Điều 28.

Tiếp thu ý kiến về tính khả thi, dự thảo Luật đã bỏ toàn bộ các quy định riêng về “mô hình trí tuệ nhân tạo đa dụng”. Thay vào đó, Luật tập trung quản lý dựa trên mức độ rủi ro của hệ thống AI cụ thể khi đưa vào sử dụng (Điều 8), bất kể mô hình nền tảng là gì.

3. Về phát triển hạ tầng và bảo đảm chủ quyền AI quốc gia (Chương III)

3.1. Về hạ tầng AI quốc gia (Điều 15)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 01 ý kiến đề nghị quy định cụ thể thành phần hạ tầng AI; 02 ý kiến quan tâm đến xây dựng hạ tầng AI riêng cho cơ quan nhà nước để bảo đảm an ninh; 01 ý kiến đề nghị bổ sung quy định về an ninh mạng.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Dự thảo Luật đã xác định rõ các thành phần cốt lõi tại khoản 3 Điều 15, bao gồm: năng lực tính toán, dữ liệu dùng chung, nền tảng huấn luyện, và mô hình nền tảng. Khoản 4 Điều 15 bổ sung quy định việc kết nối, khai thác hạ tầng phải tuân thủ yêu cầu về an toàn, an ninh và bảo vệ dữ liệu. Khoản 5 Điều 15 quy định các ứng dụng AI quan trọng trong lĩnh vực thiết yếu phải được triển khai trên hạ tầng quốc gia để bảo đảm khả năng kiểm soát.

3.2. Về Cơ sở dữ liệu phục vụ AI (Điều 16, 17)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 04 ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc chất lượng dữ liệu; 03 ý kiến đề nghị bổ sung lĩnh vực dữ liệu trọng điểm; nhiều ý kiến quan tâm đến bảo đảm chủ quyền dữ liệu văn hóa Việt Nam.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Các nguyên tắc chung về chất lượng dữ liệu đã được quy định thống nhất trong Luật Dữ liệu. Luật AI tập trung vào yêu cầu đặc thù: khoản 1 Điều 16 yêu cầu dữ liệu phục vụ AI phải hợp pháp và tuân thủ pháp luật dữ liệu. Tiếp thu ý kiến đại biểu, khoản 5 Điều 16 đã bổ sung ưu tiên dữ liệu thủ tục hành chính, cùng với dữ liệu văn hóa, ngôn ngữ tiếng Việt, y tế, giáo dục vào Danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Về chủ quyền số: khoản 1 Điều 17 quy định Nhà nước ưu tiên nguồn lực phát triển mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và công nghệ xử lý tri thức Việt Nam để bảo đảm chủ quyền số và an toàn quốc gia.

4. Về ứng dụng AI, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực (Chương IV)

4.1. Về Chiến lược quốc gia về AI (Điều 18)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 03 ý kiến đề nghị bổ sung hệ thống chỉ tiêu, mục tiêu định lượng; 02 ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế đánh giá độc lập và rà soát hàng năm thay vì 3 năm.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Việc quy định nguyên tắc, nội dung cơ bản của Chiến lược tại Điều 18 là cần thiết vì AI là công nghệ chiến lược quốc gia, cần có định hướng tổng thể được Quốc hội thông qua. Tiếp thu ý kiến, khoản 6 Điều 18 bổ sung quy định: “Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo phải quy định hệ thống chỉ tiêu, phương pháp và cơ chế đo lường nhằm đánh giá mức độ phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia”. Khoản 2 Điều 18 quy định Chiến lược được rà soát định kỳ ít nhất 03 năm một lần hoặc khi có biến động lớn về công nghệ, chính sách, đảm bảo tính linh hoạt.

4.2. Về chính sách phát triển hệ sinh thái và thị trường (Điều 19, 20)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có ý kiến đề nghị quy định ngay trong luật các nhóm ưu đãi đặc thù về hỗ trợ chi phí điện toán, chi phí huấn luyện mô hình và ưu đãi thuế dựa trên mức độ làm chủ công nghệ; nhiều ý kiến đề nghị có chính sách mạnh mẽ để làm chủ công nghệ.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Dự thảo Luật đã quy định các nhóm chính sách ưu đãi cơ bản tại khoản 2 Điều 19, bao gồm ưu đãi về thuế, tín dụng, đầu tư, đất đai và hỗ trợ tài chính. Đặc biệt, Điều 24 quy định cơ chế phiếu hỗ trợ để doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ trực tiếp chi phí sử dụng hạ tầng tính toán quốc gia và dữ liệu dùng chung. Khoản 6 Điều 19 giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế, điều kiện thực hiện các chính sách, trong đó sẽ xác định mức độ ưu đãi tương ứng với mức độ làm chủ công nghệ.

Tiếp thu ý kiến về làm chủ công nghệ, Ban soạn thảo đã bổ sung Điều 17 về “Làm chủ công nghệ trí tuệ nhân tạo”, ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu, phát triển mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt, công nghệ xử lý tri thức Việt Nam và công nghệ huấn luyện hiệu năng cao. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ AI cốt lõi được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đặc thù.

4.3. Về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Điều 20)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 04 ý kiến cho rằng Điều này còn khái quát, đề nghị làm rõ đối tượng tham gia, tiêu chí lựa chọn, phạm vi miễn/giảm nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Điều 20 đã quy định các nguyên tắc khung về Sandbox, bao gồm phạm vi giới hạn, chế độ miễn/giảm nghĩa vụ, yêu cầu đánh giá rủi ro và bảo đảm an toàn, giá trị pháp lý của kết quả thử nghiệm. Khoản 2 Điều 20 quy định tổ chức tham gia được miễn hoặc giảm hoặc điều chỉnh tạm thời nghĩa vụ theo Luật này và một số yêu cầu của pháp luật chuyên ngành theo quy định của Chính phủ, tuy nhiên không áp dụng đối với quy định về quyền con người, quyền công dân, an ninh quốc gia. Về trách nhiệm pháp lý: tổ chức tham gia không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với sai sót phát sinh trong phạm vi, thời gian thử nghiệm được phê duyệt, trừ trường hợp cố ý vi phạm. Khoản 4 Điều 20 quy định kết quả thử nghiệm được xác nhận là căn cứ để áp dụng thủ tục rút gọn trong đánh giá sự phù hợp hoặc chấp thuận triển khai chính thức.

4.4. Về Quỹ Phát triển AI Quốc gia (Điều 21)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 30 lượt ý kiến bày tỏ quan ngại về nguy cơ phân tán nguồn lực, trong đó 19 ý kiến cho rằng có thể trùng lặp chức năng với các Quỹ khoa học công nghệ hiện hành; 02 ý kiến yêu cầu quy định rõ cơ chế tài chính đặc thù và giám sát chặt chẽ.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Chính phủ bảo lưu quan điểm thành lập Quỹ nhưng

đã tiếp thu ý kiến đại biểu để làm rõ sự khác biệt. Việc thành lập Quỹ là cần thiết vì AI đã trở thành hạ tầng chiến lược quốc gia. Các quỹ khoa học công nghệ hiện hành chưa đáp ứng được yêu cầu về quy mô đầu tư rất lớn (ước tính từ 500 triệu đến hàng tỷ USD cho hạ tầng tính toán) và cơ chế tài trợ nhanh, linh hoạt, chấp nhận rủi ro đặc thù của công nghệ AI.

Dự thảo Luật đã bổ sung nguyên tắc Quỹ hoạt động bảo đảm phối hợp, không trùng lặp với các quỹ tài chính nhà nước khác tại khoản 4 Điều 21. Khoản 3 Điều 21 quy định Quỹ được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù: chấp nhận rủi ro trong khoa học công nghệ; phân bổ vốn linh hoạt theo tiến độ và yêu cầu thực hiện, không phụ thuộc vào năm ngân sách; được áp dụng thủ tục rút gọn đối với nhiệm vụ chiến lược. Khoản 5 Điều 21 giao Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức, quản lý, giám sát, bảo đảm sử dụng nguồn lực công khai, minh bạch và hiệu quả.

4.5. Về Phát triển nguồn nhân lực (Điều 23)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 15 lượt ý kiến tập trung vào cơ chế đặc thù cho giáo dục đại học và thu hút chuyên gia (07 ý kiến); việc tích hợp nội dung AI vào giáo dục phổ thông (04 ý kiến); sự đồng bộ với pháp luật giáo dục (04 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến, khoản 4 Điều 23 quy định Nhà nước triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân lực AI, bao gồm các chính sách ưu tiên về đào tạo, học bổng, thu hút và trọng dụng chuyên gia. Về tích hợp giáo dục phổ thông: khoản 2 Điều 23 chỉ yêu cầu tích hợp nội dung “cơ bản” về trí tuệ nhân tạo, tư duy tính toán, kỹ năng số và đạo đức công nghệ, mục tiêu là trang bị năng lực số nền tảng, không phải đào tạo chuyên sâu kỹ thuật. Về giáo dục nghề nghiệp và đại học: tiếp thu ý kiến, khoản 3 Điều 23 đã chuyển từ “có trách nhiệm” thành “khuyến khích” xây dựng chương trình đào tạo về AI để phù hợp với khả năng đáp ứng của các cơ sở trong giai đoạn đầu.

4.6. Về cụm liên kết AI (Điều 24)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có ý kiến đặt vấn đề về sự cần thiết và tính trùng lặp với các khu công nghệ cao hiện có.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Để làm rõ sự khác biệt, dự thảo luật đã chỉnh lý làm rõ nội hàm tại khoản 1 Điều 24, xác định cụm liên kết là mạng lưới hợp tác giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học được tổ chức theo hướng tăng cường liên kết về chức năng, hạ tầng, không gian vật lý, khác biệt với khu công nghệ cao.

5. Về đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động AI (Chương V)

5.1. Về Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia (Điều 26)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 02 ý kiến đề nghị bỏ quy định cứng về thời gian rà soát “tối thiểu 3 năm”; 01 ý kiến băn khoăn về tính định lượng của khái niệm “đạo đức”; 03 ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc bảo vệ trẻ em và nhóm dễ bị tổn

thương.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Khoản 2 Điều 26 đã được chỉnh lý theo hướng bỏ quy định cứng về thời hạn 3 năm. Thay vào đó, Khung đạo đức sẽ được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc khi có thay đổi lớn về công nghệ, pháp luật và thực tiễn quản lý. Về tính pháp lý: Dự thảo Luật xác định Khung đạo đức tại Điều 26 mang tính định hướng, khuyến nghị. Để đảm bảo tính răn đe đối với các hành vi xâm phạm nghiêm trọng, Dự thảo đã pháp luật hóa chúng thành Các hành vi bị cấm tuyệt đối tại Điều 7, giúp việc xử lý vi phạm (theo Điều 29) có căn cứ pháp lý rõ ràng. Về bảo vệ nhóm yếu thế: Điều 4 yêu cầu tuân thủ giá trị văn hóa Việt Nam; Điều 7 cấm tuyệt đối hành vi lợi dụng điểm yếu của nhóm dễ bị tổn thương; Điều 26 khoản 1 khẳng định nguyên tắc tôn trọng quyền con người.

5.2. Về trách nhiệm đạo đức trong khu vực nhà nước (Điều 27)

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội: Có 02 ý kiến đề nghị cấm ủy quyền hoàn toàn quyết định cho AI trong khu vực công; 02 ý kiến đề nghị phân định rõ trách nhiệm pháp lý.

Ý kiến tiếp thu, giải trình: Khoản 2 Điều 27 khẳng định: Hệ thống AI không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của người ra quyết định theo quy định của pháp luật. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm cuối cùng về việc sử dụng kết quả do AI cung cấp. Khoản 3 Điều 27 quy định cơ quan vận hành hệ thống AI rủi ro cao hoặc có tác động đáng kể đến quyền con người phải lập báo cáo đánh giá tác động, bao gồm xác định rủi ro và biện pháp kiểm soát.

6. Về Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

6.1. Về thanh tra, kiểm tra:

Ý kiến ĐBQH: Đề nghị xác định rõ cơ quan thanh tra chuyên ngành, áp dụng cơ chế thanh tra theo rủi ro và bổ sung cơ chế thanh tra đột xuất, chủ động.

Tiếp thu, giải trình:

Thứ nhất, về thẩm quyền: Hoạt động thanh tra tuân thủ pháp luật về thanh tra và phân công quản lý nhà nước tại Điều 30 (Bộ KH&CN chủ trì, các bộ ngành phối hợp).

Thứ hai, về cơ chế theo rủi ro: Luật quy định rõ việc kiểm tra, giám sát được thực hiện tương ứng với mức độ rủi ro: (i) Rủi ro cao: kiểm tra định kỳ hoặc khi có dấu hiệu vi phạm; (ii) Rủi ro trung bình/thấp: giám sát qua báo cáo hoặc khi có sự cố. Quy định này cho phép cơ quan nhà nước chủ động thanh tra đột xuất khi cần thiết, thay vì thụ động chờ báo cáo.

6.2. Về xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại:

Ý kiến ĐBQH: Nhiều ý kiến phản đối mức phạt theo % doanh thu; đề nghị làm rõ trách nhiệm bồi thường và bổ sung chế tài phi tiền tệ.

Tiếp thu, giải trình:

Thứ nhất, về chế tài hành chính: Tiếp thu ý kiến đại biểu, dự thảo Luật đã bỏ quy định phạt theo % doanh thu để bảo đảm tính khả thi. Thay vào đó, giao Chính phủ quy định chi tiết mức phạt và hình thức xử phạt (như đình chỉ, thu hồi hệ thống) đối với từng hành vi cụ thể, bảo đảm tính răn đe.

Thứ hai, về trách nhiệm bồi thường: Thiết lập cơ chế trách nhiệm đặc thù tại Điều 29: Bên triển khai hệ thống AI rủi ro cao phải bồi thường cho người bị thiệt hại ngay cả khi đã tuân thủ quy định (tương tự nguyên tắc nguồn nguy hiểm cao độ). Sau đó, Bên triển khai có quyền yêu cầu các bên liên quan hoàn trả nếu có thỏa thuận. Cơ chế này giúp bảo vệ người yếu thế và đảo ngược nghĩa vụ chứng minh.

7. Về Quản lý nhà nước

Ý kiến ĐBQH: Đề nghị bổ sung quy định về dấu hiệu nhận dạng hệ thống và chính sách khen thưởng.

Tiếp thu, giải trình:

Thứ nhất, về Dấu hiệu nhận dạng: Đã được quy định tại Điều 10 (Trách nhiệm minh bạch), yêu cầu hệ thống phải có dấu hiệu nhận biết khi tương tác và gắn nhãn nội dung tạo sinh.

Thứ hai, về Khen thưởng: Thực hiện theo pháp luật thi đua, khen thưởng; đồng thời lồng ghép trong các chính sách ưu đãi tại Điều 5 và Điều 20.

8. Về Hợp tác quốc tế

Ý kiến ĐBQH: Đề nghị nội luật hóa các cam kết quốc tế và rà soát vấn đề pháp lý xuyên biên giới.

Tiếp thu, giải trình:

Thứ nhất, về nội luật hóa: Điều 32 khẳng định nguyên tắc tuân thủ điều ước quốc tế. Các chuẩn mực quốc tế về an toàn, minh bạch đã được chuyển hóa vào các quy định cụ thể của Luật (Điều 7, Điều 14).

Thứ hai, về xuyên biên giới: Luật áp dụng đối với tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (Điều 2). Nhà cung cấp nước ngoài có hệ thống rủi ro cao bắt buộc phải có đại diện pháp lý tại Việt Nam để giải quyết tranh chấp (Khoản 6 Điều 14).

9. Về Điều khoản thi hành

Ý kiến ĐBQH: Quan tâm đến tính thống nhất pháp luật và thời hạn chuyển tiếp (cho rằng 12 tháng là quá ngắn).

Tiếp thu, giải trình:

Thứ nhất, về tính thống nhất: Khoản 1 Điều 33 quy định bãi bỏ toàn bộ Chương IV Luật Công nghiệp công nghệ số để tránh chồng chéo.

Thứ hai, về nguyên tắc áp dụng: Đã bỏ khoản 2 Điều 34 để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Thời hạn chuyển tiếp (Điều 35): Quy định lộ trình phân kỳ để bảo đảm khả thi: 18 tháng; Đối với hệ thống trong lĩnh vực y tế, giáo dục, tài chính, 12 tháng; Đối với các hệ thống khác.

10. Một số vấn đề khác

- **Sở hữu trí tuệ:** Vấn đề bản quyền sản phẩm AI được thực hiện theo pháp luật về Sở hữu trí tuệ hiện hành để tránh xung đột pháp lý.
- **Tác động xã hội:** Các chính sách hỗ trợ chuyển đổi việc làm và bảo vệ trẻ em đã được lồng ghép vào Điều 23 (đào tạo nhân lực) và Điều 7 (cấm hành vi lợi dụng trẻ em).
- **Công cụ giám sát:** Luật quy định nghĩa vụ ghi nhật ký hoạt động (Điều 14) để phục vụ truy vết kỹ thuật và khuyến khích bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

II. ĐỐI VỚI KẾT LUẬN CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

II.1. Về các nội dung chung

1. Về thống nhất quan điểm xây dựng luật khung

Ý kiến UBTVQH: Cần thống nhất tiếp cận luật khung, chỉ quy định nguyên tắc cần thiết thuộc thẩm quyền Quốc hội, giao Chính phủ ban hành văn bản chi tiết để quản lý linh hoạt; hài hòa kiểm soát rủi ro và thúc đẩy phát triển; lấy con người làm trung tâm; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, quyền riêng tư, an toàn - an ninh mạng và tương thích điều ước quốc tế.

Tiếp thu, giải trình: Dự thảo Luật đã quán triệt đầy đủ tinh thần này. Các nguyên tắc nền tảng (lấy con người làm trung tâm, bảo đảm quyền riêng tư, trật tự - an toàn xã hội, an toàn - an ninh mạng, hài hòa với điều ước quốc tế) được quy định tại Điều 4. Các nội dung kỹ thuật, danh mục, tiêu chí, quy trình do Chính phủ hướng dẫn. Cách thiết kế này bảo đảm cân bằng giữa kiểm soát rủi ro và thúc đẩy phát triển, duy trì tính ổn định của luật, đồng thời mở rộng dư địa điều chỉnh theo tốc độ tiến bộ công nghệ. Đây là mô hình phù hợp với thông lệ quốc tế và giai đoạn đầu hình thành hệ sinh thái AI tại Việt Nam.

2. Về rà soát tính thống nhất hệ thống pháp luật

Ý kiến UBTVQH: Rà soát kỹ lưỡng, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật, nhất là các luật đang sửa đổi, bổ sung tại Kỳ họp thứ 10 (giáo dục, sở hữu trí tuệ, báo chí, y tế...).

Tiếp thu, giải trình: Chính phủ đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội và các bộ, ngành liên quan rà soát, đối chiếu toàn diện dự thảo Luật với hệ thống pháp luật hiện hành và các dự án luật đang được

Quốc hội xem xét tại Kỳ họp thứ 10. Chính phủ khẳng định dự thảo Luật đã bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan.

3. Về tiến độ và chất lượng văn bản hướng dẫn thi hành

Ý kiến UBTVQH: Bảo đảm tiến độ và chất lượng các văn bản hướng dẫn thi hành theo thời điểm có hiệu lực của Luật là 01/3/2026.

Tiếp thu, giải trình: Chính phủ thống nhất cao với mốc thời gian hiệu lực từ ngày 01/3/2026 nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn phát triển và quản lý AI. Để bảo đảm Luật đi vào cuộc sống ngay khi có hiệu lực, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành liên quan chủ động soạn thảo danh mục và nội dung các văn bản quy định chi tiết song song với quá trình hoàn thiện Luật.

4. Về quán triệt quy định của Đảng và hoàn thiện kỹ thuật lập pháp

Ý kiến UBTVQH: Quán triệt và thực hiện nghiêm Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị; lưu ý Phụ lục số 02 kèm theo Báo cáo thẩm tra của Ủy ban KH, CN & MT trong quá trình xây dựng văn bản quy định chi tiết và tổ chức thực hiện Luật.

Tiếp thu, giải trình: Chính phủ khẳng định quá trình soạn thảo tuân thủ nghiêm ngặt Quy định số 178-QĐ/TW; các chính sách ưu đãi, cấp phép được thiết kế minh bạch, tuyệt đối không cài cắm “lợi ích nhóm”. Đối với các nội dung tại Phụ lục số 02 của Báo cáo thẩm tra, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức rà soát, nghiên cứu thận trọng và toàn diện; cam kết tiếp thu tối đa các ý kiến xác đáng để hoàn thiện dự thảo Luật hoặc cụ thể hóa trong quá trình xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm chất lượng, phòng chống tiêu cực và tuân thủ đúng quy trình xây dựng pháp luật.

5. Về thể chế hóa chủ trương Đảng và trách nhiệm bảo đảm chất lượng dự án Luật

Ý kiến UBTVQH: Chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát bảo đảm thể chế hóa và cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là các Nghị quyết: 52-NQ/TW (Cách mạng công nghiệp lần thứ tư); 57-NQ/TW (đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số); 59-NQ/TW (hội nhập quốc tế); 66-NQ/TW (đổi mới xây dựng và thi hành pháp luật); 68-NQ/TW (phát triển kinh tế tư nhân) và các Nghị quyết khác có liên quan; rà soát kỹ thuật lập pháp, hoàn thiện dự thảo Luật; bảo đảm chất lượng và thời hạn gửi tài liệu trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10; chịu trách nhiệm đến cùng về nội dung dự thảo Luật theo Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.

Tiếp thu, giải trình: Dự thảo Luật đã thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết số 52-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW và các Nghị quyết khác của Bộ Chính trị. Thực hiện Kết luận số 119-KL/TW, Chính phủ cam kết chịu trách nhiệm đến cùng về nội dung và chất lượng của dự án Luật. Chính phủ đã chỉ đạo

Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan rà soát kỹ thuật văn bản, hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội đúng thời hạn và bảo đảm chất lượng.

II.2. VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về đánh giá sự phù hợp (Điều 13)

Ý kiến UBTVQH: Cần tuân thủ nguyên tắc của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời bổ sung yêu cầu đặc thù cho AI.

Tiếp thu, giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý Điều 13 phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu đặc thù của công nghệ AI, cụ thể:

Thứ nhất, khoản 1 Điều 13 đã quy định hệ thống AI có rủi ro cao bắt buộc phải đánh giá sự phù hợp theo Luật này; đồng thời, trường hợp đã có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì còn phải thực hiện đánh giá theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Thứ hai, thực hiện đánh giá sự phù hợp của hệ thống AI được quy định tại khoản 2 Điều 13 là đánh giá mức độ rủi ro của hệ thống AI. Đây là đánh giá sự phù hợp theo đặc thù của hệ thống AI.

2. Về Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia (Điều 22)

Ý kiến UBTVQH: Một số nội dung mang tính đặc thù về Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia cần được làm rõ nội hàm, giao Chính phủ quy định chi tiết để tránh vướng mắc khi triển khai.

Tiếp thu, giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý Điều 22 của dự thảo Luật như sau:

Thứ nhất, khoản 3 Điều 22 đã quy định nội hàm của cơ chế đặc thù mà các quỹ thông thường chưa có hoặc khó áp dụng, cụ thể:

- (1) Quỹ được phép đầu tư cho hạ tầng AI, công nghệ AI;
- (2) Cơ chế phân bổ vốn linh hoạt theo tiến độ và yêu cầu thực hiện, không phụ thuộc năm ngân sách;
- (3) Được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với nhiệm vụ có tính chiến lược hoặc yêu cầu triển khai nhanh.

Thứ hai, bổ sung thẩm quyền giao Chính phủ quy định chi tiết về cơ chế đặc thù tại khoản 5 Điều 22.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại (Điều 29)

Ý kiến UBTVQH: Rà soát để thống nhất với Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt

hại, nhất là trong trường hợp bất khả kháng, tình thế cấp thiết.

Tiếp thu, giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát toàn bộ Điều 29 và chỉnh lý để bảo đảm thống nhất đầy đủ với nguyên tắc bồi thường thiệt hại như sau:

Thứ nhất, dự thảo Luật đã bổ sung cụm từ “dân sự” tại khoản 1 Điều 29 để khẳng định mọi tổ chức, cá nhân có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường “theo quy định của pháp luật dân sự”.

Thứ hai, về làm rõ trách nhiệm của bên triển khai trong trường hợp không có lỗi nhưng vẫn phát sinh thiệt hại (Khoản 2 Điều 29). Dự thảo quy định bên triển khai phải bồi thường cho người bị thiệt hại trong trường hợp hệ thống AI rủi ro cao được vận hành đúng quy định nhưng vẫn xảy ra sự cố. Sau đó, bên triển khai có quyền yêu cầu nhà cung cấp hoặc nhà phát triển hoàn trả nếu có thỏa thuận.

Thứ ba, về các trường hợp bất khả kháng và tình thế cấp thiết, dự thảo Luật quy định đầy đủ hai trường hợp miễn trách nhiệm tương tự như Bộ Luật dân sự:

- Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại
- Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ khi pháp luật có quy định khác

Đây là quy định hoàn toàn thống nhất với Điều 156 và Điều 584 Bộ Luật dân sự, không bổ sung thêm hoặc thu hẹp phạm vi.

Thứ tư, về trường hợp có hành vi trái pháp luật của bên thứ ba. Dự thảo xác định, trường hợp Bên thứ ba xâm nhập, chiếm quyền điều khiển hệ thống AI trái pháp luật phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Bên triển khai hoặc nhà cung cấp chỉ phải liên đới nếu có lỗi trong việc để hệ thống bị xâm nhập, theo đúng nguyên tắc xác định lỗi và trách nhiệm liên đới của Bộ Luật dân sự. Quy định này bảo đảm thống nhất với Điều 587 và Điều 288 của Bộ Luật dân sự về trách nhiệm liên đới.

4. Về áp dụng pháp luật (Điều 34)

Ý kiến UBTVQH: Tách nội dung về áp dụng pháp luật tại Điều 34 thành điều riêng và chỉ nên quy định các nội dung đặc thù đối với AI.

Tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến UBTVQH, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bỏ toàn bộ nội dung “áp dụng pháp luật” ra khỏi Điều 34.

5. Về thời điểm áp dụng và thời hạn chuyển tiếp (Điều 35)

Ý kiến UBTVQH: Cân nhắc thời điểm áp dụng với hệ thống AI rủi ro cao và xem xét kéo dài thời hạn chuyển tiếp cho lĩnh vực y tế, giáo dục, tài chính để tránh ảnh hưởng đến người dân.

Tiếp thu, giải trình: Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội như sau:

Thứ nhất, giữ nguyên thời điểm thi hành áp dụng đối với hệ thống AI có rủi ro

cao giống như đối với các hệ thống AI có rủi ro trung bình và thấp để tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước và doanh nghiệp có đủ thời gian để:

- Chuẩn hóa dữ liệu, đánh giá rủi ro
- Điều chỉnh quy trình nội bộ
- Xác định phân loại rủi ro
- Chuẩn bị hồ sơ đánh giá sự phù hợp

Thứ hai, bổ sung quy định cho phép các lĩnh vực có tính chất đặc thù như y tế, giáo dục, tài chính được kéo dài thời hạn chuyển tiếp đến 18 tháng (hơn 06 tháng so với quy định chung). Việc kéo dài thời hạn chuyển tiếp là cần thiết vì:

- Hệ thống AI trong các lĩnh vực này có mức độ phức tạp cao
- Gắn trực tiếp với an toàn tính mạng, quyền lợi của người học, người bệnh và sự ổn định tài chính
- Các cơ quan, tổ chức cần đủ thời gian để rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hoàn thiện quy trình vận hành và đào tạo nhân lực
- Bảo đảm không làm gián đoạn dịch vụ công và không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân

Đối với hệ thống AI thuộc các lĩnh vực khác, dự thảo Luật giữ nguyên thời hạn chuyển tiếp là 12 tháng.

6. Về mức phạt vi phạm hành chính (Điều 29)

Ý kiến UBTVQH: Không quy định mức phạt cụ thể trong Luật mà giao Chính phủ quy định để bảo đảm thống nhất, linh hoạt và phù hợp thực tiễn.

Tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã loại bỏ hoàn toàn các quy định về mức phạt cụ thể tại Điều 29.

7. Về sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học, giáo dục và y tế (Điều 6)

Ý kiến UBTVQH: Cần bổ sung quy định về sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học, giáo dục và y tế để có cơ sở áp dụng khi các luật chuyên ngành chưa kịp sửa đổi, bổ sung.

Tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo Luật đã bổ sung một điều quy định về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực (Điều 6), với các nội dung chính sau:

Thứ nhất, khoản 1 và khoản 5 của Điều 6 xác lập cơ chế pháp lý cho phép Chính phủ ban hành Nghị định và các bộ, ngành ban hành Thông tư quy định chi tiết về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong từng ngành, lĩnh vực. Quy định này bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với đặc thù chuyên môn và tốc độ phát triển nhanh của công nghệ.

Thứ hai, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 quy định các yêu cầu đặc thù đối với việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực y tế và giáo dục. Đây là hai lĩnh vực có mức độ nhạy cảm cao, tác động trực tiếp đến sức khỏe, an toàn và sự phát triển của con người, đặc biệt là trẻ em.

Thứ ba, khoản 4 Điều 6 quy định về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học. Đây là lĩnh vực có nguy cơ cao bị lợi dụng để gian lận khoa học, đạo văn, làm sai lệch kết quả nghiên cứu hoặc xâm phạm quyền tác giả nếu không có cơ chế kiểm soát phù hợp. Quy định này nhằm bảo đảm liêm chính khoa học, đạo đức nghiên cứu và bảo vệ hệ sinh thái nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

(Chi tiết về các vấn đề tiếp thu, giải trình tại các Phụ lục đính kèm).

Trên đây là nội dung Báo cáo tóm tắt về việc tiếp thu, giải trình, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban KH, CN & MT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ: BTCN, các PCN, trợ lý TTg, TGD công TTĐT;
- Các vụ, cục: PL, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KSTT (02).

84

